TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn

2. Bà Trần Thúy Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 560/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 718/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Quốc V, sinh năm 1983; Căn cước công dân số: 089083022115 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/01/2024; hộ chiếu số: Q00604053 cấp ngày 19/8/2025 tại TLSQ V Nam tại Van-Cô-Vơ.

Địa chỉ thường trú: phường L, tỉnh An Giang;

Nơi ở hiện tại: Canada; (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Ngọc Huệ Q; địa chỉ: phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy uỷ quyền, số chứng thực: 06.9/2025, quyển số 01-SCTCK tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Vancouver, Canada ngày 04/9/2025);

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết V1, sinh năm 1983; Căn cước công dân số: 089183000681 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

cấp ngày 21/02/2020; hộ chiếu số: C3425095 cấp ngày 01/6/2017 tại Cục quản lý xuất nhập cảnh.

Địa chỉ thường trú: phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở hiện tại: Canada; (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Lương Thị Như Anh T; địa chỉ: 496/1/68 phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy uỷ quyền, số chứng thực: 05.9/2025, quyển số 01-SCTCK tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa V Nam tại Vancouver, Canada ngày 04/9/2025);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2025, bản tự khai, nguyên đơn ông Trịnh Quốc V trình bày như sau:

Ông Trịnh Quốc V và bà Võ Thị Tuyết V1 chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Uỷ ban nhân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không phát sinh mâu thuẫn. Ngày 14/9/2021 ông V sang Canada để sinh sống và làm việc. Đến tháng 11/2024 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau do bất đồng về quan điểm sống và tính cách khiến tình cảm của vợ chồng không còn như trước. Cả hai đã nhiều lần cùng nhau nói chuyện chia sẻ để giải quyết mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối năm 2024 đến nay không còn liên hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay ông V nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà V1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là trẻ Trịnh Emily Bảo N, sinh ngày 19/10/2022. Ông V đồng ý giao con cho bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn bà Võ Thị Tuyết V1 trình bày như sau:

Ông Trịnh Quốc V và bà Võ Thị Tuyết V1 chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Uỷ ban nhân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không phát sinh mâu thuẫn. Ngày 14/9/2021 ông V sang Canada để sinh sống và làm việc. Đến khoảng tháng 11/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân không có tiếng nói chung và bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên tranh cãi, tình cảm vợ chồng không còn. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành thì vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Sau khoảng thời gian sống ly thân thì bà V1 xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đối với yêu cầu ly hôn của ông V thì bà V1 hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là trẻ Trịnh Emily Bảo N, sinh ngày 19/10/2022. Con chung hiện nay đang sống với bà V1 và do bé còn nhỏ nên bà V1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Toà án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trịnh Quốc V được ly hôn với bà Võ Thị Tuyết V1. Giao con chung cho bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông V không cấp dưỡng nuôi con. Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trịnh Quốc V và bà Võ Thị Tuyết V1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà V1, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn"; bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trịnh Quốc V và bà Võ Thị Tuyết V1 đều xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và phát sinh khoảng hơn 01 năm nay. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung và bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên tranh cãi, tình cảm vợ chồng không còn. Cả ông V và bà V1 đều cho rằng vợ chồng đã nhiều lần cố gắng nói chuyện, chia sẻ với nhau để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và không thể níu kéo dẫn đến việc cả hai thống nhất ly hôn để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…"*.

Đối chiếu nội dung lời trình bày của các đương sự về việc vợ chồng cùng xác định có mâu thuẫn, thống nhất ly hôn với các quy định của pháp luật, thì việc ông V yêu cầu ly hôn với bà V1 là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Quốc V.

b) Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là trẻ Trịnh Emily Bảo N, sinh ngày 19/10/2022. Ông V và bà V1 thống nhất giao con chung cho bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông V về việc giao con chung cho bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông V không cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trịnh Quốc V được ly hôn với bà Võ Thị Tuyết V1. Giao con chung cho bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông V không cấp dưỡng nuôi con. Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Ông Trịnh Quốc V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Quốc V.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Quốc V được ly hôn với bà Võ Thị Tuyết V1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Uỷ ban nhân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2021 (nay là phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung là Trịnh Emily Bảo Nhi, sinh ngày 19/10/2022 cho bà Võ Thị Tuyết V1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà V1 không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trịnh Quốc V có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trịnh Quốc V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0023678 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10, Tp.HCM;
- Phòng THA DS KV10, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

2 000021 250208

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết